

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **194/2019/KDTM-PT**
Ngày 19/3/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Dũng

Các Thẩm phán:

Bà Bùi Ngọc Anh

Bà Trương Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Kim Hoàng - Thư ký của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Tôn Mạnh Hùng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2019 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/KDTMPT ngày 14 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “*Hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2018/KDTM-ST ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 12 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1018/2019/QĐ-PT ngày 08 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Công nghệ T

Địa chỉ: 833 P, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đ, trú tại 311F30 Đường C, Khu phố C, phường A, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 04/7/2017)

Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên Truyền thông V

Địa chỉ: 60/5D Q, Khu phố H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông H, trú tại 70/6E1 Q, phường T, Quận E (Giấy ủy quyền ngày 26/02/2019)

Người kháng cáo: Công ty TNHH Một thành viên Truyền thông V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 04/7/2017 và lời khai tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn là Công ty Cổ phần Công nghệ T (gọi tắt là Công ty T) có đại diện theo ủy quyền là ông Đ trình bày là Công ty T đã cung cấp cho Công ty TNHH Một thành viên Truyền thông V (gọi tắt là Công ty V) màn hình Led P4 theo Hợp đồng kinh tế số 151216/THC-VHV ngày 15/12/2016 với số lượng 20.9 m² (80 cabin), có tổng giá trị thành tiền là 444.125.000 đồng, sản phẩm mới 100%, thời hạn bảo hành 12 tháng. Công ty V đã đặt cọc cho T số tiền 50.000.000 đồng trước khi ký hợp đồng. Ngay khi ký hợp đồng, Công ty V thanh toán tiếp 133.237.500 đồng. Ngày 30/12/2016, Công ty T đã giao cho Công ty V toàn bộ lô hàng đúng mẫu mã, số lượng và chất lượng như trong hợp đồng mà các bên đã ký kết nhưng từ khi nhận hàng cho đến nay Công ty V đã không thanh toán tiếp cho Công ty T số tiền còn thiếu. Nay, Công ty T yêu cầu Công ty V thanh toán một lần số tiền còn nợ là 260.887.500 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Theo lời khai tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn là Công ty V có đại diện theo ủy quyền là ông LHP trình bày là trước đây Công ty V có ký hợp đồng với Công ty T mua 40m² màn hình Led P4, với thông số kỹ thuật tương tự như thông số kỹ thuật như Hợp đồng ký ngày 15/12/2016. Ngày 15/12/2016, Công ty V tiếp tục ký hợp đồng với Công ty T mua tiếp 20.9m² màn hình Led P4. Nội dung hợp đồng này như Công ty T đã trình bày. Tuy không thỏa thuận trong hợp đồng nhưng nhân viên kỹ thuật và Phó giám đốc Công ty T cam kết có thể đồng bộ được sản phẩm của hợp đồng lần trước và Hợp đồng ngày 15/12/2016. Vì tin tưởng, Công ty V đã ký hợp đồng. Tuy nhiên, sau khi nhận hàng thì lô hàng trên không đồng bộ được với lô hàng trước đó dù về quy cách sản phẩm là tương tự. Tại buổi làm việc giữa hai bên vào ngày 31/5/2017, Phó giám đốc Công ty T có cam kết là sẽ đồng bộ hóa màn hình hai hợp đồng trên nhưng cho đến nay cũng chưa thực hiện được. Tổng trị giá của hợp đồng là 444.125.000 đồng, Công ty V đã thanh toán cho Công ty T số tiền 183.237.500 đồng, còn nợ 260.887.500 đồng. Nay với yêu cầu của Công ty T thì Công ty V không đồng ý do Công ty T vẫn chưa đồng bộ màn hình của Hợp đồng ngày 15/12/2016 và hợp đồng đã ký trước đó của hai bên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2018/KDTM-ST ngày 29/10/2018 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 89/TB-TA ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận 12 đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty V phải thanh toán cho Công ty T số nợ còn thiếu là 260.887.500 đồng. Trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty T (đối với các khoản tiền phải trả cho Công ty T) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng Công ty V còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án Cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo luật định.

Công ty V có Đơn kháng cáo đề ngày 08/11/2018 về việc công ty kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm do nội dung của bản án không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công ty.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của Công ty V và đề nghị y án sơ thẩm do nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hợp đồng kinh tế số 151216/THC-VHV ngày 15/12/2016, trong khi đó Công ty V đã vi phạm điều khoản thanh toán, đến nay vẫn chưa thanh toán đầy đủ nợ tiền hàng là 260.887.500 đồng.

- Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, cụ thể Công ty T đã cung cấp số lượng màn hình Led của hợp đồng lần này không được đồng bộ với màn hình Led của hợp đồng lần trước như đã thỏa thuận, nghĩa là chất lượng của màn hình không bảo đảm, mặc dù khi nhận hàng hai bên đã lập biên bản kiểm tra quy cách, số lượng, chất lượng đều bảo đảm đúng như hợp đồng đã ký kết. Tại buổi làm việc ngày 31/5/2017, ông DKT - Phó giám đốc Công ty T có cam kết là sẽ đồng bộ hóa màn hình của hai hợp đồng nhưng đến nay chưa thực hiện được. Tòa án cấp sơ thẩm đã không xét đến sự thật khách quan là màn hình mà bị đơn đã nhận là không được đồng bộ, bảo đảm chất lượng như đã nêu trên, gây ảnh hưởng lớn đến quyền lợi của bị đơn. Bị đơn là yêu cầu Công ty T nhận lại toàn bộ số lượng màn hình đã giao, bị đơn sẽ chịu thiệt hại 20% của tổng trị giá hợp đồng.

- Ý kiến phát biểu thêm của nguyên đơn là ngay khi biết được nội dung của Biên bản làm việc ngày 31/5/2017 thì ngày 15/6/2017 nguyên đơn có văn bản gửi Công ty V về việc không công nhận biên bản này do ông DKT là Phó giám đốc bên nguyên đơn chỉ phụ trách về kế toán không phải là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo ủy quyền của Công ty T. Về chất lượng màn hình thì khi giao nhận hai bên đã lập biên bản kiểm tra quy cách, số lượng, chất lượng đều bảo đảm như hợp đồng đã ký kết. Do đó, nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm y án sơ thẩm.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án, nguyên đơn đã giao hàng đầy đủ về số lượng, đúng về chất lượng theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết nhưng bị đơn không thanh toán đầy đủ cho nguyên đơn, còn nợ 260.887.500 đồng là vi phạm hợp đồng. Biên bản ngày 31/5/2017 có ông DKT là Phó giám đốc Công ty T ký và cam kết thì không có tính pháp lý để ràng buộc nguyên đơn do ông T không phải là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo ủy quyền của Công ty T. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số nợ nêu trên là có cơ sở chứng cứ để được chấp nhận. Căn cứ

Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định về nội dung kháng cáo với yêu cầu như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn gửi đến Tòa án còn trong thời hạn luật định.

[2] Về nội dung:

Bị đơn cho rằng nguyên đơn đã cung cấp số lượng màn hình Led của hợp đồng lần này không được đồng bộ với màn hình Led của hợp đồng lần trước nghĩa là chất lượng của màn hình không bảo đảm và Phó giám đốc Công ty T có cam kết là sẽ đồng bộ hóa màn hình của hai hợp đồng là không có cơ sở chứng cứ để được chấp nhận do trong Hợp đồng kinh tế số 151216/THC-VHV ngày 15/12/2016 không có điều khoản nào ràng buộc sẽ đồng bộ với hợp đồng mà hai bên đã ký và thực hiện trước đây; về chất lượng màn hình thì tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không có chứng cứ để chứng minh màn hình đã nhận không bảo đảm chất lượng, còn việc Phó giám đốc Công ty T có cam kết là sẽ đồng bộ hóa màn hình của hai hợp đồng thì việc này là do cá nhân vị Phó giám đốc đó, người đó không phải là đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo ủy quyền của Công ty T; mặt khác nguyên đơn cũng không thừa nhận cam kết nêu trên. Bị đơn đã không thanh toán tiền sau khi đã nhận hàng đầy đủ là vi phạm Điều 1 của Hợp đồng kinh tế số 151216/THC-VHV ngày 15/12/2016, Điều 50 của Luật Thương mại năm 2005 nên bị đơn có trách nhiệm phải thanh toán cho nguyên đơn tiền hàng còn nợ là 260.887.500 đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm có tuyên về khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án là phù hợp với Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 12.

- Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận ý kiến của đại diện viện kiểm sát do ý kiến này phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về những nội dung khác trong bản án, không có kháng cáo và kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực thi hành.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Như bản án sơ thẩm.

Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của bị đơn nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 286, Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 50 của Luật Thương mại 2005;

Áp dụng Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Một thành viên Truyền thông V. Giữ nguyên bản án sơ thẩm, tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH Một thành viên Truyền thông V có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Công nghệ T tiền hàng còn nợ là 260.887.500 (*Hai trăm sáu mươi triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm*) đồng.

Thời hạn thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty Cổ phần Công nghệ T, nếu Công ty TNHH Một thành viên Truyền thông V không thực hiện việc thanh toán nợ thì hàng tháng Công ty TNHH Một thành viên Truyền thông V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án cho Công ty Cổ phần Công nghệ T theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Án phí kinh doanh thương mại:

- Án phí sơ thẩm:

+ Công ty TNHH Một thành viên Truyền thông V phải chịu là 13.044.375 (*Mười ba triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm bảy mươi lăm*) đồng.

+ Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Công nghệ T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.522.188 đồng theo Biên lai thu số 0024937 ngày 17/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12 Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí phúc thẩm:

+ Công ty TNHH Một thành viên Truyền thông V phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo các Biên lai thu số 0002997 ngày 08/11/2018 và số 0045309 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12 Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND Quận 12;
- Cục THADS TPHCM;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Dũng

CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA